

TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP

LỚP 6:

HỌ TÊN HS:

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN TIẾNG ANH 6**

TUẦN 7: 18/10/2021 – 23/10/2021

PERIOD 19-page 22

Unit 3: FRIENDS – New words and Listening

Hs chép phần từ mới vào vở sau đó làm bài tập **a & b**

I/ New words:

1. tall (a): cao
2. blue(a) :màu xanh dương
3. glasses (n): mắt kính
4. slim(a): thon thả, gầy
5. red(a) :màu đỏ
6. blond(a) : (tóc) vàng
7. long (a) :dài
8. brown(a): màu nâu
9. short(a) ngắn,thấp
- 10.body(n) cơ thể
- 11.hair (n) tóc
- 12.eyes(n) mắt

a/Học sinh viết từ vào khung cho phù hợp sau đó nghe và lặp lại

Answer (trả lời)

body	hair	eyes
tall	red	blue
slim	Blond	glasses
short	long	brown
	brown	
	short	

b/ Học sinh miêu tả bản thân mình bằng cách dùng những từ mới trên

Gợi ý: I have long hair

I am slim

Phần Listening a , b học sinh tự thực hiện .

Home work:

- Chép mỗi từ mới 10 lần và học thuộc lòng
- Chuẩn bị từ mới tiết sau của bài 3 phần grammar trang 23
- Làm bài tập trong sách workbook trang 14 phần new words
- Học sinh tự thực hiện phần listening A,B

PERIOD 20-page 23

Unit 3: FRIENDS(con't) – Grammar

Học sinh chép từ mới vào tập

New words:

1. sweater(n) áo len dài tay
2. T-shirt(n)áo thun ngắn tay
3. pants(n)quần

a. Học sinh lắng nghe và lặp lại trang 23

Do you know my friend, Jane?

What is she wearing?

She's wearing a pink hat and a yellow sweater

Is she wearing glasses?

Yes, she is

Các em chép phần ngữ pháp vào tập

Grammar

• Usage (cách dùng) The present continuous tense (thì hiện tại tiếp diễn)
We use the present continuous tense to talk about on going actions. We use the verb **be+verb-ing** (Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả hành động xảy ra trong lúc nói)

• **Form(cách thành lập)**

(+) S + am/is/are + V-ing

(-) S + am not/is not/ are not+V-ing

(?) Am/ Is/ Are + S + V-ing?

Ex: 1. I **am wearing** a green dress.

2. What **is** she **wearing** ?

3. Is she wearing glasses? (yes, she is./ No, she isn't.)

Học sinh làm bài tập b,c

b. Khoanh tròn từ đúng.

Answer (trả lời)

1. Are
2. is
3. are
4. am
5. are
6. Are

c. Nhìn tranh và viết câu trả lời của Simon:

Answer (trả lời)

1. No, he isn't
2. No, he isn't
3. wearing a blue T-shirt.
4. black pants

Home work:

- Học thuộc lòng phần từ mới ,viết lại mỗi từ 10 lần.
- Học thuộc cách dùng và cách thành lập thì hiện tại tiếp diễn
- Học sinh tự thực hiện phần grammar D trang 23
- Làm bài tập trong sách workbook trang 15 phần grammar a.

PERIOD 21-page 24

Unit 3: FRIENDS(con't) – Pronunciation

a. Học sinh lưu ý âm /b/

b. Học sinh nghe và lưu ý phần được gạch dưới

black blond blue

c. Nghe và lặp lại phần b

d. Học sinh đọc từ với cách phát âm đúng

Học sinh tự thực hiện phần practice và phần speaking

Gợi ý: Student A: I'm looking for my friend

Student B: ask these questions:

Is your friend a boy or a girl?

What does he/she look like?

What is he/ she wearing?

Is he/she wearing glasses?

Is it (Jack)?

Các em làm tương tự cho những hình trong sách

Home work:

- Chuẩn bị từ vựng phần Unit 3-Friends trang 25

- Học sinh tự thực hiện phần practice và phần speaking
- Học sinh đọc nhiều lần phần phát âm
- Làm bài tập trong sách workbook trang 15 phần grammar b.
-

PHẦN 2:
PHẦN GHI CHÉP VỀ NỘI DUNG BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

LESSON	NHỮNG NỘI DUNG CÁC EM ĐÃ HIỂU	NHỮNG NỘI DUNG CÁC EM CÒN THẮC MẮC
PERIOD 19-page 22 Unit 3: FRIENDS – New words and Listeni		
PERIOD 20-page 23 Unit 3: FRIENDS (con’t) – Grammar		
PERIOD 21-page 24 Unit 3: FRIENDS (con’t) – Pronunciation		

-